



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH

THẢO LUẬN CHÍNH SÁCH CỦA CEPR

Bài thảo luận chính sách CS-03/2008

**Cơ cấu và tăng trưởng kinh tế Việt Nam
trong 9 tháng đầu năm 2008 và một số dự báo**

Đào Nguyên Thắng

Quan điểm được trình bày trong bài nghiên cứu này là của (các) tác giả và không nhất thiết phản ánh quan điểm của CEPR.

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Cơ cấu và tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2008 và một số dự báo

Đào Nguyên Thắng¹

I. Giới thiệu

Báo cáo này mô tả và phân tích cấu trúc kinh tế của các nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp và xây dựng, và ngành dịch vụ trong 9 tháng đầu năm 2008 và dựa vào số liệu theo các quý từ năm 2004 đến nay để đưa ra các dự báo cho 3 tháng cuối năm 2008 và cả năm 2009. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong 9 tháng đầu năm 2008, tăng trưởng của các nhóm ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ có xu hướng chững lại so với cùng kỳ các năm trước. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tuy có mức tăng trưởng cao hơn chút ít so với cùng kỳ năm ngoái nhưng vẫn ở mức thấp (dưới 4%) do tiếp tục có sự thu hẹp đất nông nghiệp. Nhìn chung tỷ trọng giữa các nhóm ngành là khá ổn định giữa các năm và tiếp tục diễn biến theo khuynh hướng giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp và tăng tỷ trọng ngành công nghiệp. Tỷ trọng ngành dịch vụ là khá ổn định và có xu hướng giảm nhẹ.

Năm 2008 là năm chính phủ quyết tâm thực hiện các biện pháp chống lạm phát và cùng với diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới như giá lương thực thực phẩm tăng hồi đầu năm, giá dầu thế giới tăng trong các tháng giữa năm, cùng khủng hoảng tài chính Mỹ, v.v... có những tác động mạnh đến tăng trưởng kinh tế nói chung của Việt Nam. Dựa vào bộ số liệu điều tra theo quý, báo cáo này đưa ra các dự báo trong 3 tháng cuối năm, và tốc độ tăng trưởng chung của cả nền kinh tế trong năm 2008 đạt

¹ Tác giả xin trân trọng cảm ơn TS. Đỗ Ngọc Huỳnh và các thành viên Nhóm Tư vấn Chính sách (PAG), Bộ Tài chính về những đề xuất và gợi ý báo cáo này được hoàn thành. Thư từ trao đổi xin gửi về: Đào Nguyên Thắng, email: dao.nguyenthang@cepr.org.vn

mức khoảng 6,6%, trong đó tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khoảng 3,6%, ngành công nghiệp và xây dựng đạt khoảng 7,37% và ngành dịch vụ đạt khoảng 7,17%. Báo cáo cũng chỉ ra rằng trong năm 2009 nền kinh tế của chúng ta cũng khó có thể vượt qua mức tăng trưởng 7,9% do những tác động bất lợi gần đây của nền kinh tế thế giới. Do đó các ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản sẽ tiếp tục có mức tăng trưởng thấp (dưới 4%). Ngành công nghiệp và xây dựng có mức tăng khó có thể vượt qua mức 9,7% và tăng trưởng của ngành dịch vụ có thể thấp hơn mức 8,1%.

II. Diễn biến chung về kinh tế - xã hội trong 9 tháng đầu năm 2008

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê (2008), trong 9 tháng đầu năm 2008, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tăng 6,52% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,57%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,09%; khu vực dịch vụ tăng 7,23%. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước 9 tháng vừa qua là thấp hơn mức tăng cùng kỳ của một số năm gần đây và chưa đạt mức tăng 7% đề ra cho cả năm 2008.

Bảng 1: Tổng sản phẩm trong nước 9 tháng đầu năm theo giá so sánh 1994

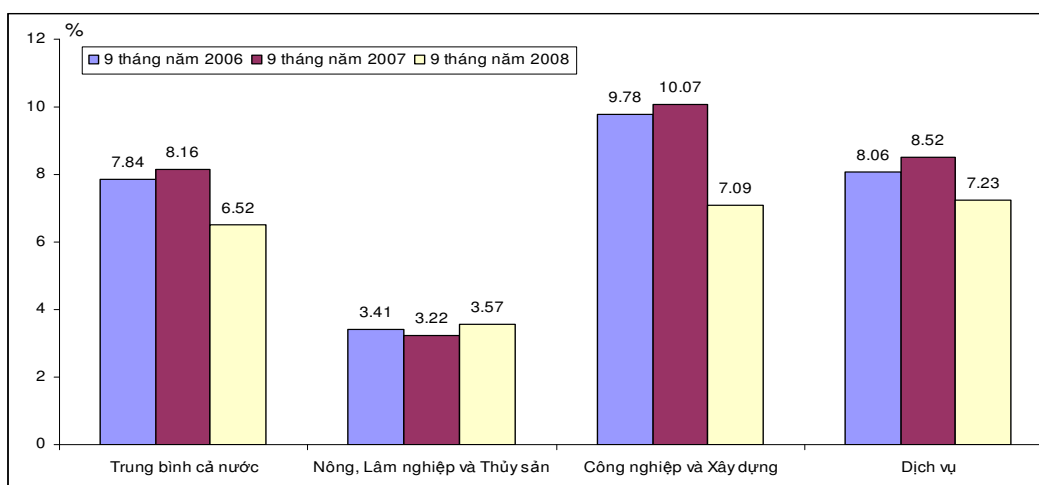
	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm trước			Đóng góp vào tăng trưởng (Điểm %)
	9 tháng năm 2006	9 tháng năm 2007	9 tháng năm 2008	
Tổng số	7,84	8,16	6,52	6,52
Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản	3,41	3,22	3,57	0,64
Công nghiệp và Xây dựng	9,78	10,07	7,09	2,95
Dịch vụ	8,06	8,52	7,23	2,93

Nguồn: TCTK (2008)

Trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng trưởng của ngành nông nghiệp đạt 3,05%, cao hơn mức 2,2% của cùng kỳ năm trước do vụ lúa Đông xuân và Hè thu năm nay được mùa. Khu vực công nghiệp và xây dựng chịu ảnh hưởng lớn do giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào tăng cao, hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn nên công nghiệp chế biến là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhưng chỉ tăng 11,45%, thấp hơn mức tăng 12,64% của 9 tháng năm trước; công nghiệp khai thác giảm 4,69%; xây dựng giảm 0,33% (9 tháng năm 2007 tăng 10,14%). Các ngành dịch vụ nhìn chung tăng chậm hoặc thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm 2007, trong đó thương nghiệp chiếm tỷ trọng 3,9% của toàn ngành dịch vụ nhưng chỉ tăng 6,31% so với mức tăng 8,27% của 9 tháng năm 2007; khách sạn nhà hàng tăng 8,89% so với mức tăng

12,73% của cùng kỳ năm trước; các ngành dịch vụ khác cũng tăng chậm, hầu hết có tốc độ tăng thấp hơn tốc độ tăng cùng kỳ năm trước (TCTK 2008).

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng của các ngành trong 9 tháng đầu năm qua các năm



Nguồn: TCTK (2008)

Thông tin về ba phân ngành lớn trong 9 tháng đầu năm có thể được tóm tắt như sau

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng theo giá so sánh 1994 ước tính đạt 144,4 nghìn tỷ đồng, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước; bao gồm nông nghiệp đạt 103,3 nghìn tỷ đồng, tăng 4,8%; lâm nghiệp đạt 4,9 nghìn tỷ đồng, tăng 1,5%; thủy sản đạt 36,2 nghìn tỷ đồng, tăng 7,91%. (Theo thông tin Kinh tế - Xã hội tháng 9 năm 2008 của TCTK)

Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2008 gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào tăng mạnh, nguồn vốn kinh doanh hạn chế do lãi suất cho vay của ngân hàng luôn ở mức cao. Giá trị sản xuất công nghiệp tháng 9 theo giá so sánh 1994 tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: kinh tế Nhà nước tăng 6,4%; kinh tế ngoài Nhà nước tăng 19,3%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,5% (Dầu mỏ và khí đốt giảm 9,8%).

Giá trị sản xuất công nghiệp 9 tháng theo giá so sánh 1994 ước tính đạt 493,2 nghìn tỷ đồng, tăng 16% so với cùng kỳ năm trước (9 tháng năm 2007 tăng 17,1%; 9 tháng năm 2006 tăng 16,8% và 9 tháng năm 2005 tăng 16,5%). Trong ba ngành công nghiệp cấp I, công nghiệp khai thác đạt 26,1 nghìn tỷ đồng, giảm 3,5% chủ yếu do sản lượng

đầu thô tiếp tục giảm và sản lượng than khai thác tăng chậm; công nghiệp chế biến đạt 440 nghìn tỷ đồng, tăng 17,5%; sản xuất và phân phối điện, ga, nước đạt 27,2 nghìn tỷ đồng, tăng 14%. Sản xuất công nghiệp của các khu vực kinh tế 9 tháng năm nay đều tăng thấp hơn mức tăng cùng kỳ năm 2007, trong đó kinh tế Nhà nước tăng 6,4% (Trung ương quản lý tăng 9%; địa phương quản lý giảm 1,7%); kinh tế ngoài Nhà nước tăng 20,7%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 17,9% (Theo thông tin Kinh tế - Xã hội tháng 9 năm 2008 của TCTK).

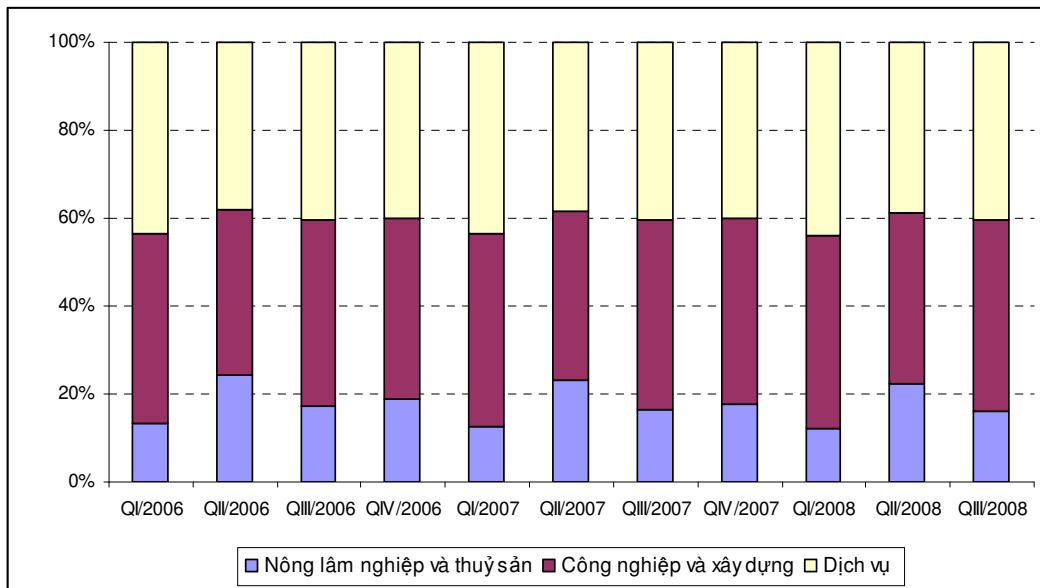
Thương mại và dịch vụ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm 2008 theo giá thực tế ước tính đạt 694,4 nghìn tỷ đồng, tăng 30,1% so với cùng kỳ năm trước. Nếu loại trừ yếu tố tăng giá thì tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng năm nay tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong các ngành kinh doanh, thương nghiệp đạt 571,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,3% tổng số và tăng 30,5%; khách sạn, nhà hàng đạt 79,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,4%, tăng 25,7%; dịch vụ đạt 34,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 5% và tăng 30,9%; du lịch đạt 9,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 1,3%, tăng 45,2%. (Theo thông tin Kinh tế - Xã hội tháng 9 năm 2008 của TCTK)

III. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2008

1. Tỷ trọng kinh tế giữa các ngành

Hình 2: Cơ cấu kinh tế giữa các ngành trong các quý



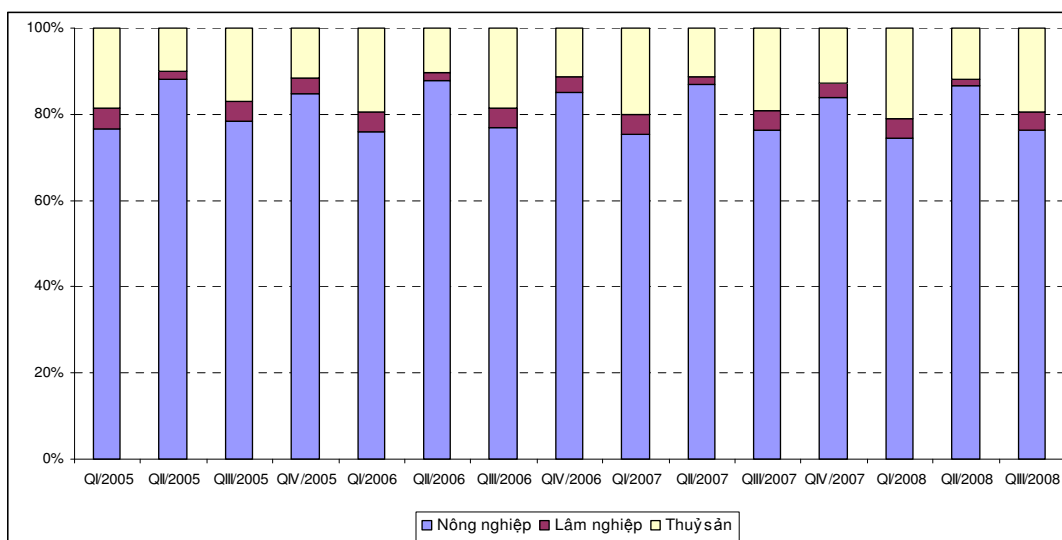
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Nhìn chung có thể thấy tỷ trọng kinh tế của các ngành nông lâm nghiệp và thủy sản, công nghiệp và xây dựng, dịch vụ của 3 quý đầu năm 2008 có diễn biến khá tương đồng như các năm trước đó, quý I vẫn là quý mà ngành nông nghiệp có tỷ trọng thấp nhất so với các quý còn lại do là đó là quý mà nông dân chủ yếu gieo trồng các cây nông nghiệp. Quý II và quý IV là các quý mà ngành nông nghiệp có tỷ trọng cao hơn các quý còn lại trong năm, do vậy báo cáo này dự đoán trong quý IV năm 2008, tỷ trọng ngành nông nghiệp sẽ có xu hướng cao hơn các quý I và quý III. Các ngành công nghiệp và xây dựng, dịch vụ luôn chiếm tỷ trọng cao và khá ổn định giữa các quý, đặc biệt là tỷ trọng của ngành công nghiệp và xây dựng.

2. Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sự thay đổi cơ cấu trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong 9 tháng đầu năm qua nhìn chung không khác nhiều với sự thay đổi cơ cấu của cùng thời kỳ trong các năm trước đó. Trong nhóm ngành này thì ngành nông nghiệp luôn là ngành chiếm vai trò chủ đạo với tỷ trọng trung bình trong các quý đạt trên 80%. Trong năm 2008, tỷ trọng của ngành thủy sản tăng hơn so với các năm trước. Cùng với sự tăng tỷ trọng của ngành thủy sản là sự giảm nhẹ tỷ trọng của ngành nông nghiệp. Ngành lâm nghiệp là ngành có tỷ trọng và sự thay đổi tỷ trọng khá ổn định qua các năm, tuy nhiên ngành này chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong toàn bộ nhóm ngành này, chỉ đạt mức trung bình khoảng 4%. Có thể thấy sự biến đổi trong cơ cấu của các ngành trong nhóm ngành này bị tác động rất rõ bởi yếu tố mùa vụ.

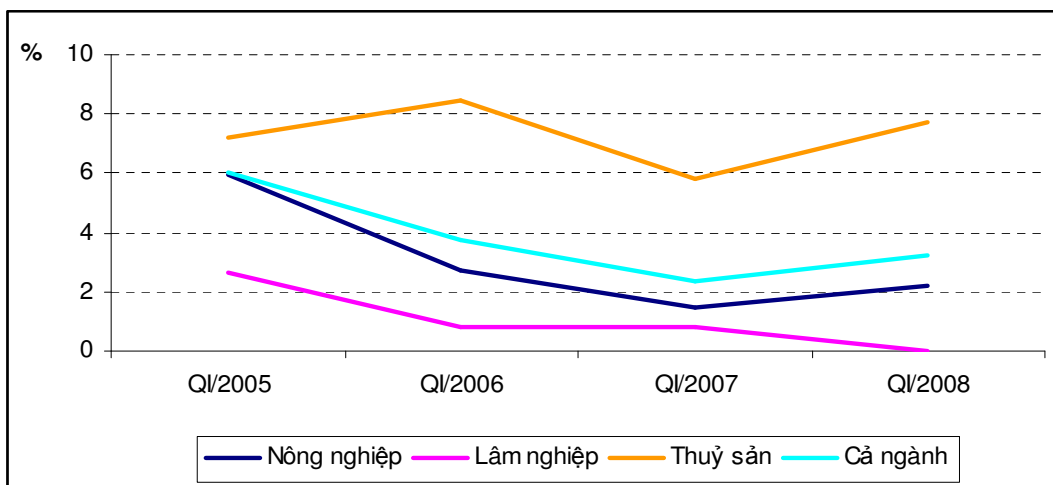
Hình 3: Tỷ trọng của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

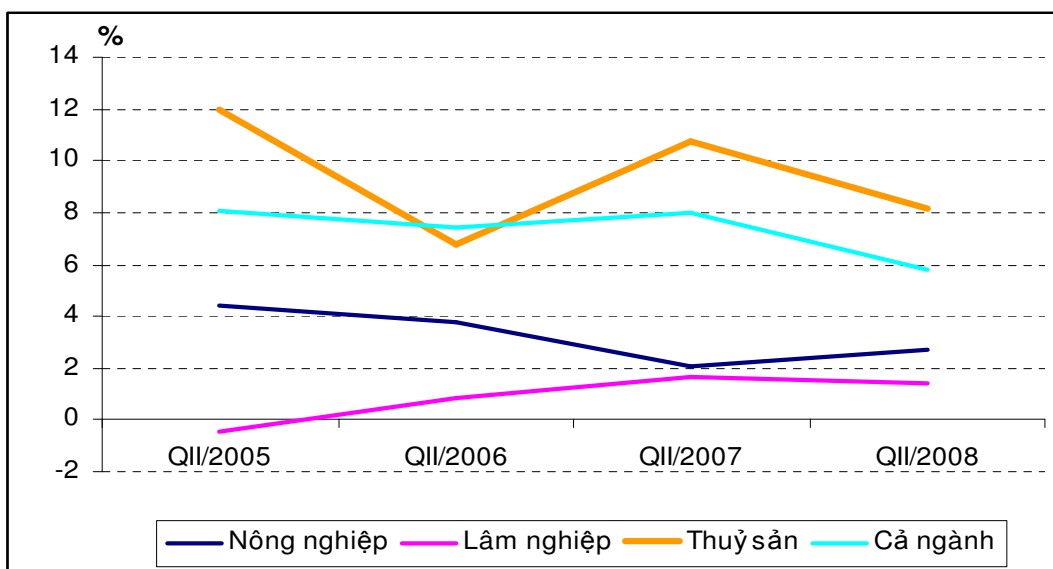
Hình 4, 5 và hình 6 mô tả tốc độ tăng trưởng theo quý so với cùng kỳ năm trước của các ngành trong nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Hình 4: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong quý I hàng năm



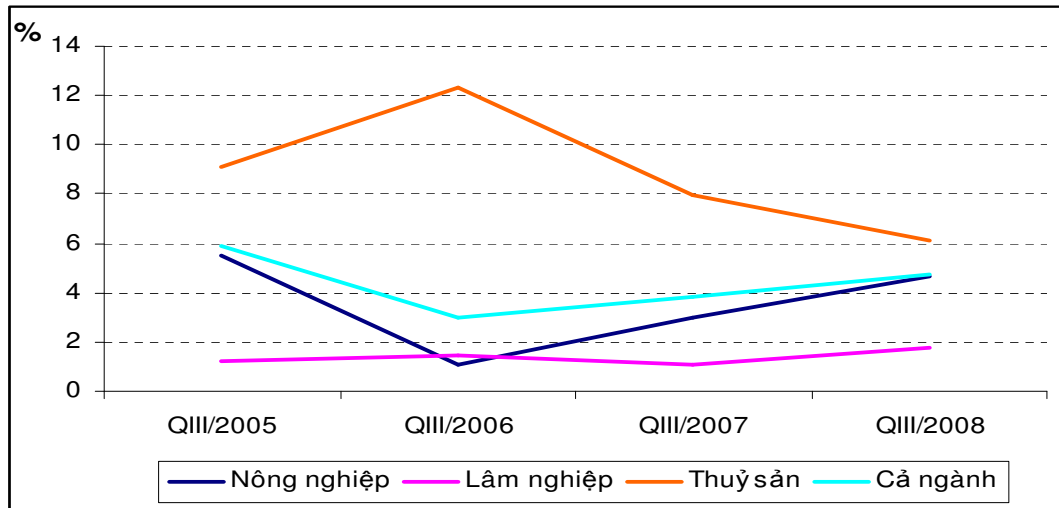
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Hình 5: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong quý II hàng năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Hình 6: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản trong quý III hàng năm



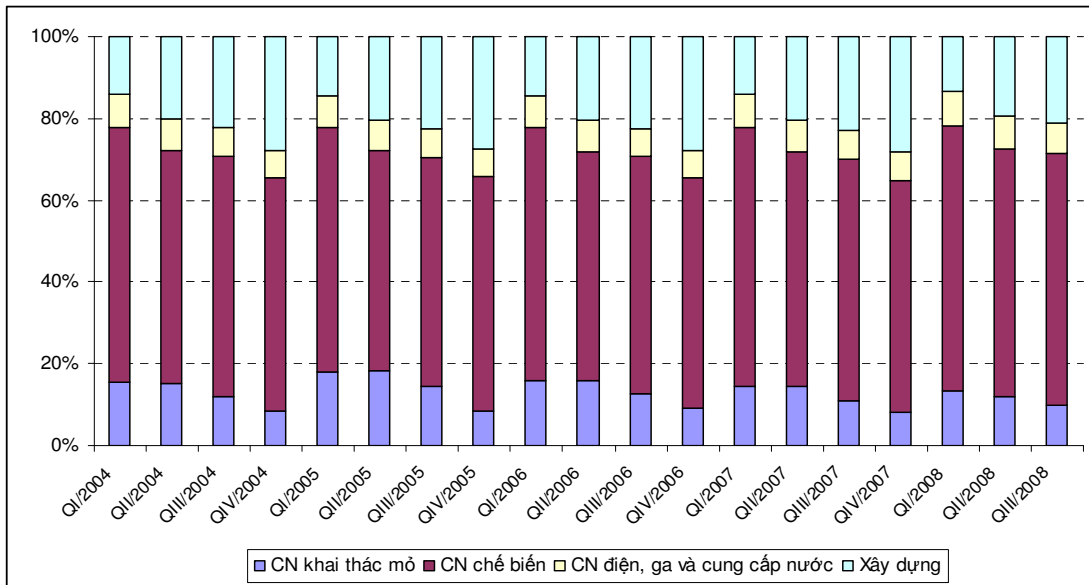
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Nhìn chung có thể thấy trong 9 tháng đầu năm 2008, ngành nông nghiệp mở rộng được quy mô tương đối so với hai ngành còn lại. Trong đó tăng trưởng của ngành thủy sản có xu hướng chững lại ở quý II và quý III sau khi có sự tăng khá mạnh ở quý I. Ngành lâm nghiệp cũng có khuynh hướng chững lại khi chỉ duy trì ở mức tăng trưởng thấp dưới 2% ở các quý so với cùng kỳ năm trước. Thậm chí trong quý I năm 2008 mức tăng trưởng của ngành này còn bằng không.

3. Ngành công nghiệp và xây dựng

Có thể thấy sự thay đổi cơ cấu giữa các ngành trong nhóm ngành công nghiệp và xây dựng cũng có tính chất màu vụ khá rõ và tương tự như nhóm ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Trong nhóm ngành này thì ngành công nghiệp chế biến chiếm vai trò chủ đạo, tỷ trọng đạt khoảng trên 60% tổng GDP của cả ngành. Ngành xây dựng và ngành khai thác mỏ cũng chiếm tỷ trọng đáng kể.

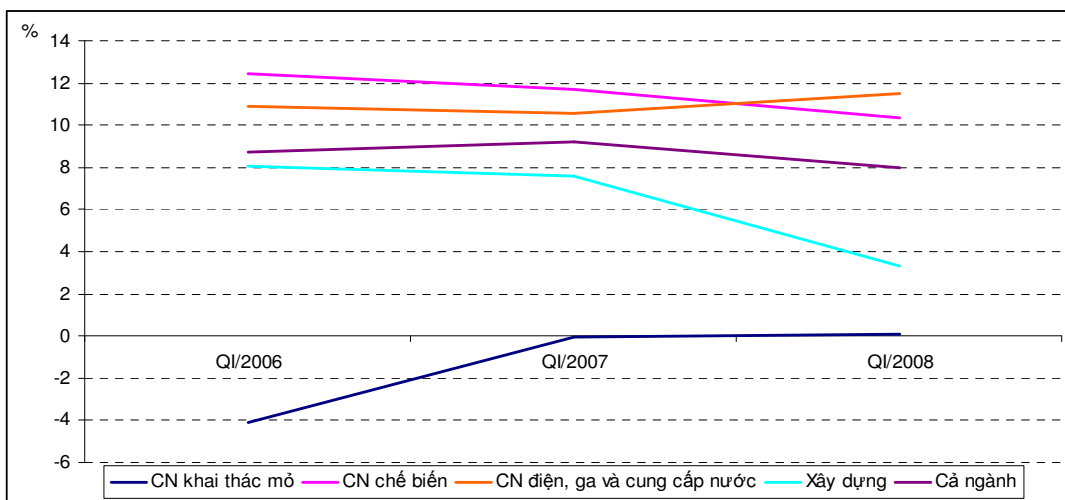
Hình 7: Tỷ trọng của các ngành công nghiệp và xây dựng



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

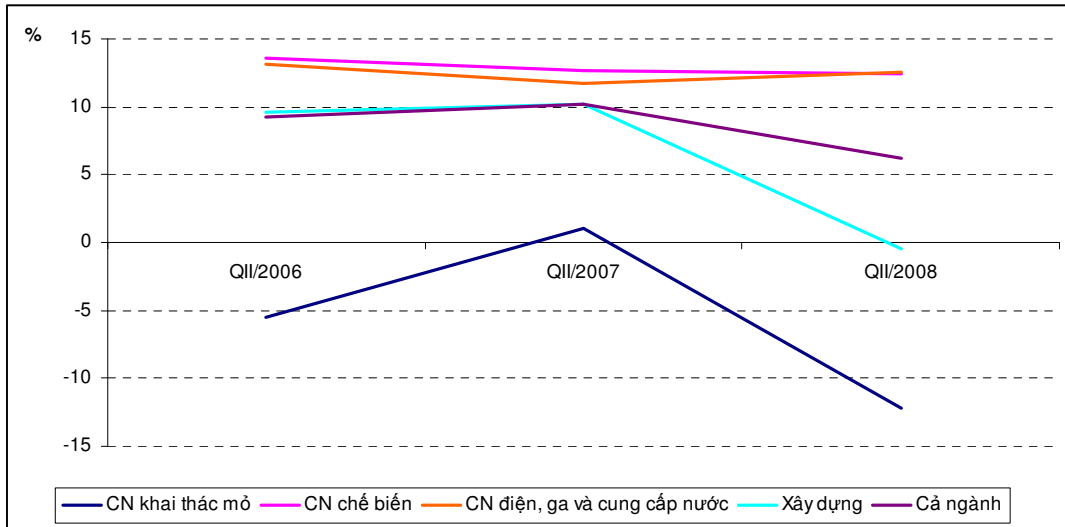
Các hình 8, 9 và 10 mô tả biến động tốc độ tăng trưởng của các ngành so với cùng kỳ năm trước. Ngành công nghiệp khai khoáng có tốc độ tăng trưởng âm trong khi các ngành công nghiệp còn lại và ngành xây dựng tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng khá cao trong cả 9 tháng đầu năm. Tuy nhiên trong quý II và quý III tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng có xu hướng chững lại so với cùng kỳ năm trước.

Hình 8: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành công nghiệp và xây dựng trong quý I hàng năm



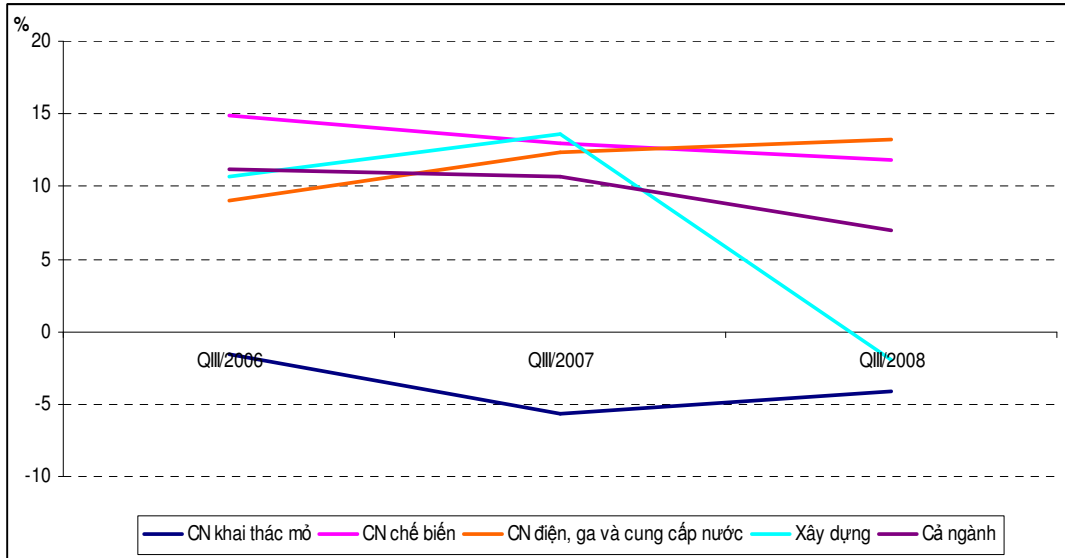
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Hình 9: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành công nghiệp và xây dựng trong quý II hàng năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Hình 10: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành công nghiệp và xây dựng trong quý III hàng năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

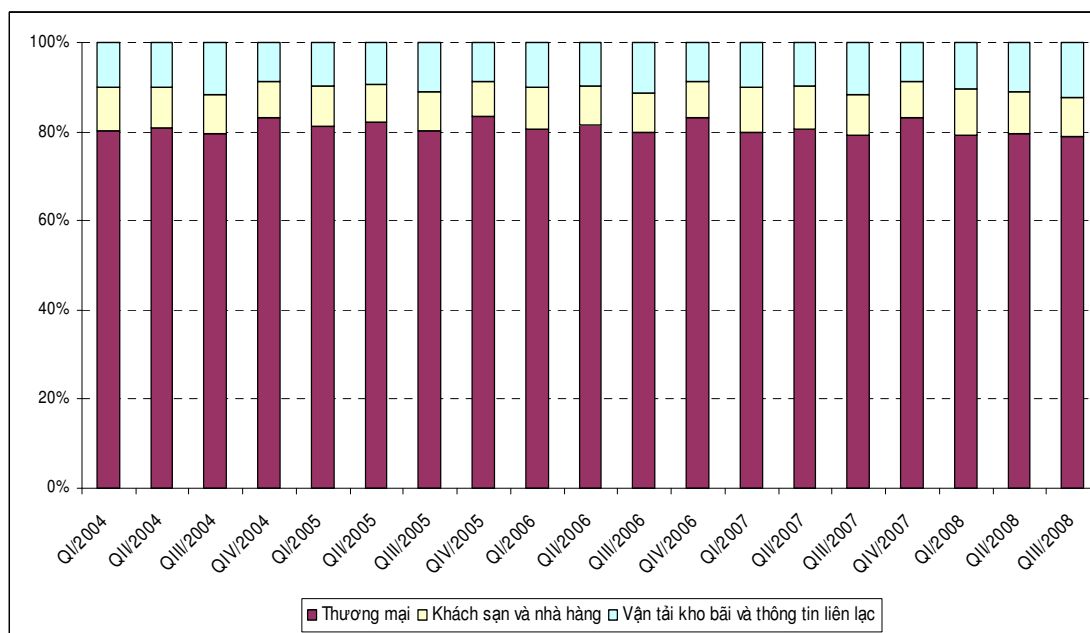
Ngành công nghiệp khai thác mỏ và ngành xây dựng là các ngành chiếm tỷ trọng khá cao trong nhóm ngành công nghiệp và xây dựng, do vậy sự chững lại trong tăng trưởng của hai ngành này làm cho tốc độ tăng trưởng chung của cả ngành có xu hướng chững lại, đặc biệt là trong quý II và quý III năm 2008. Có thể thấy ngành xây

đựng có sự giảm tăng trưởng rất mạnh do trong thời gian vừa qua chúng ta thực hiện các chính sách cắt giảm chi tiêu công cho xây dựng cơ bản nhằm thực hiện chống lạm phát, đồng thời lãi suất cho vay và gia nguyên vật liệu xây dựng cũng tăng cao làm cho ngành này có xu hướng thu hẹp sản xuất.

4. Ngành dịch vụ

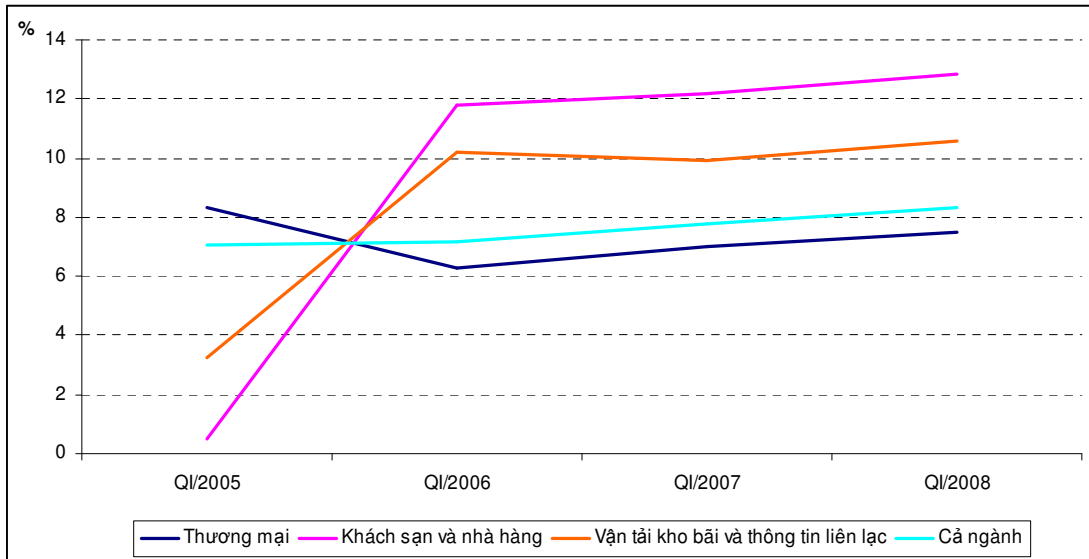
Nhóm ngành dịch vụ cho thấy cơ cấu giữa các ngành là khá ổn định theo thời gian, trong đó thương mại chiếm tỷ trọng chủ yếu. Ngành thương mại ở đây là tổng hợp của rất nhiều các nhóm ngành khác nhau trong đó có cả y tế, giáo dục và đào tạo, tài chính, tín dụng, v.v... Trong 3 quý đầu năm 2008, tỷ trọng của ngành thương mại có xu hướng giảm nhẹ và kéo theo là sự tăng nhẹ trong tỷ trọng của ngành vận tải, bến bãi và thông tin liên lạc. Các hình 12, 13 và 14 sẽ thể hiện rõ hơn sự biến động tăng trưởng của từng ngành trong nhóm ngành này.

Hình 11: Tỷ trọng của các ngành dịch vụ



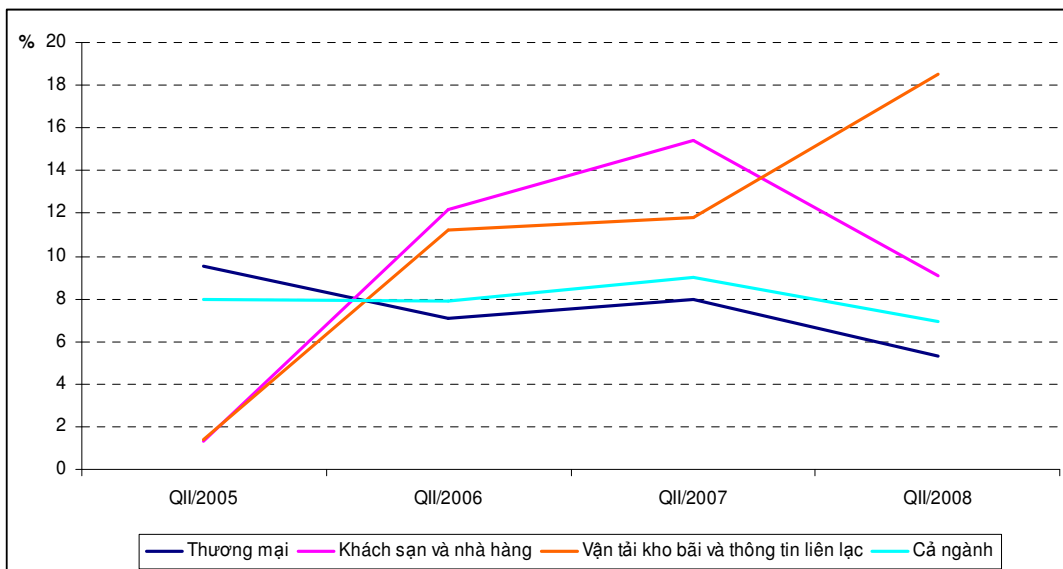
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Hình 12: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành dịch vụ trong quý I hàng năm



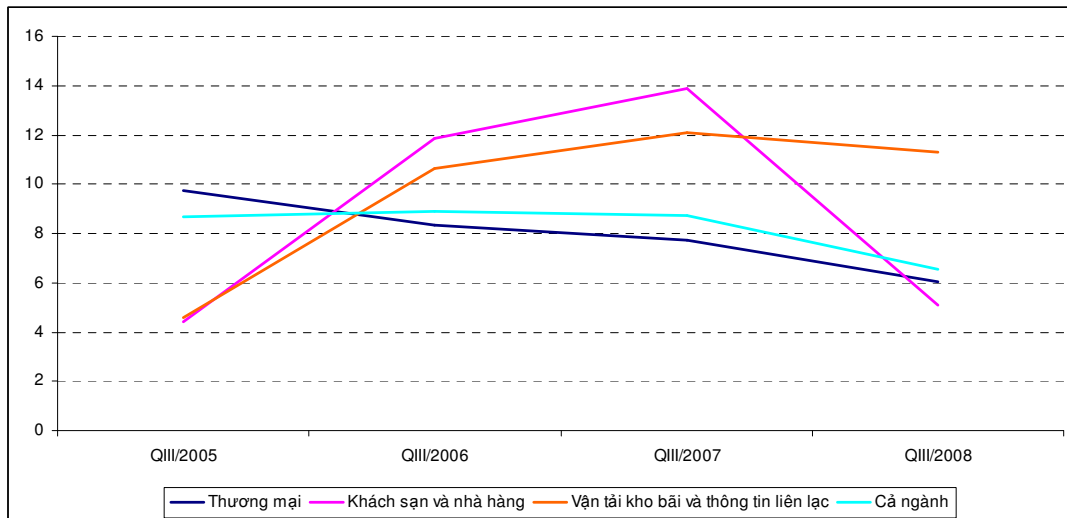
Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Hình 13: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành dịch vụ trong quý II hàng năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Hình 14: Tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của ngành dịch vụ trong quý III hàng năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê (2008)

Có thể thấy trong quý I năm 2008, tất cả các nhóm ngành của ngành dịch vụ đều tăng đều so với cùng kỳ năm ngoái kéo theo sự gia tăng tăng trưởng của toàn ngành. Quý II và quý III chứng kiến sự chững lại trong tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước của các ngành khách sạn nhà hàng, vận tải kho bãi và thông tin liên lạc. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng của các ngành này vẫn ở mức cao. Trung bình tăng trưởng của cả ngành theo quý so với cùng kỳ năm trước đạt mức trên 8%.

IV. Một số dự báo trong thời gian tới

Báo cáo này sử dụng phương pháp ước lượng dựa vào tốc độ phát triển bình quân dựa vào sự tăng trưởng của dãy số bình quân trượt nhằm dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của từng ngành kinh tế trong 3 tháng cuối năm 2008 và cả năm 2009. Ước lượng này nhằm chỉ ra khuynh hướng biến động trung bình của các chỉ tiêu kinh tế.

1. Phương pháp dự báo

Cho dãy số về chỉ tiêu kinh tế xã hội biến động theo thời gian

$$Y_1, Y_2, Y_3, \dots, Y_n$$

Dựa vào cấu trúc dữ liệu này người ta có thể dự báo giá trị \hat{Y}_{n+1} cho thời kỳ $n + 1$. Hai ý tưởng đơn giản mà các nhà thống kê thường dùng đó là ước lượng dựa vào lương

tăng (giảm) tuyệt đối bình quân và ước lượng dựa vào tốc độ tăng trưởng bình quân. Nghiên cứu trong báo cáo này dựa vào phương pháp thứ hai do đặc điểm của cấu trúc dữ liệu là có sự tăng trưởng liên tục giữa các năm.

$$\hat{Y}_{n+h} = Y_n \cdot (\bar{t})^h \quad (1)$$

(Thường ước lượng với $h = 1$)

Trong đó:

\hat{Y}_{n+h} : Giá trị ước lượng cho thời kỳ $n + h$;

Y_n : Giá trị thực ở thời kỳ n ;

\bar{t} : Tốc độ tăng trưởng bình quân;

$$\bar{t} = \sqrt[n-1]{\prod_{i=2}^n t_i} = \sqrt[n-1]{\frac{Y_2}{Y_1} \cdot \frac{Y_3}{Y_2} \cdots \frac{Y_{n-1}}{Y_{n-2}} \cdot \frac{Y_n}{Y_{n-1}}}$$

$$\bar{t} = \sqrt[n-1]{\frac{Y_n}{Y_1}}$$

Điều kiện để áp dụng phương pháp này là tốc độ phát triển bình qua các thời kỳ phải xấp xỉ nhau.

Sử dụng số liệu thống kê theo quý và áp dụng phương pháp này để dự báo một số chỉ tiêu kinh tế cho Việt Nam trong giai đoạn quý IV năm 2008 và cả năm 2009 chúng ta cần có cách thức loại bỏ các yếu tố mùa vụ giữa các quý để có thể có được kết quả dự báo chính xác. Thực tế số liệu theo quý từ năm 2004 đến nay cho thấy tốc độ tăng giữa các quý là không đồng đều cho phép ước lượng trực tiếp theo phương pháp nêu trên. Để khắc phục tình trạng này (đồng thời loại bỏ các yếu tố mùa vụ), nghiên cứu này biến đổi dãy số liệu theo quý thành dãy số liệu bình quân trượt nhằm thỏa mãn điều kiện áp dụng. Ở đây chúng ta biến đổi dãy số liệu thành dãy số bình quân trượt cấp 4, tức là mỗi giá trị trong dãy số sau khi biến đổi là giá trị bình quân của 4 giá trị của 4 quý liên tiếp nhau.

Số trung bình trượt cấp 4 được xác định như sau:

$$Y_{i,i+3} = \frac{Y_i + Y_{i+1} + Y_{i+2} + Y_{i+3}}{4}$$

Từ dãy số bình quân trượt này, chúng ta áp dụng công thức (1) sẽ xác định được giá trị $\hat{Y}_{n-2,n+1}$.

Công thức xác định \hat{Y}_n tổng quát như sau

$$\hat{Y}_{n+1} = 4.\hat{Y}_{n-2,n+1} - (Y_{n-2} + Y_{n-1} + Y_n)$$

2. Kết quả ước lượng

Kết quả ước lượng cho thấy sau khi có sự suy giảm trong quý III năm 2008 thì quý IV, tất cả các ngành đều có thể đạt được sự tăng trưởng cao trở lại do các tháng cuối năm thường là những tháng được khuyến khích sản xuất kinh doanh để có thể hoàn thành các kế hoạch đặt ra. Dự báo quý IV năm 2008, tổng sản lượng theo giá so sánh năm 1994 đạt 146270 tỷ đồng, tăng 6,8% so với quý IV năm 2007, trong đó so với quý IV năm 2007 thì tương ứng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,26%, ngành công nghiệp và xây dựng tăng 8,21% và ngành dịch vụ tăng 7,04%. Sản lượng kinh tế trong quý IV năm 2008 và các quý năm 2009 được thể hiện trong bảng 2

Bảng 2: Dự báo GDP các ngành kinh tế cho quý IV năm 2008 và cả năm 2009

Đơn vị: Tỷ đồng

	QIV/2008	QI/2009	QII/2009	QIII/2009	QIV/2009
TỔNG SỐ	146270.37	104387.98	136927.05	133051.65	156317.23
Nông lâm nghiệp và thủy sản	25161.67	12369.18	29477.75	20609.39	25987.78
Nông nghiệp	20951.09	9148.12	25339.18	15636.27	21494.48
Lâm nghiệp	856.22	518.24	504.26	866.28	863.51
Thủy sản	3371.80	2722.90	3657.14	4132.52	3675.83
Công nghiệp và xây dựng	62700.40	46607.40	53994.05	58569.39	67922.89
CN khai thác mỏ	5030.51	5890.86	6187.25	5509.68	5312.67
CN chế biến	35966.48	30300.17	33044.01	36486.06	39493.84
CN điện, ga và cung cấp nước	4384.75	3873.22	4400.97	4344.99	4829.06
Xây dựng	17347.91	6577.36	10401.26	12273.62	18367.36
Dịch vụ	58504.58	45523.28	53583.47	54018.17	62666.01
Thương mại	25222.61	17893.14	19412.25	22451.94	26868.83
Khách sạn và nhà hàng	4909.18	4785.21	5237.44	4931.87	5351.70
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	5172.73	4782.40	5891.31	6589.48	5684.62
Tài chính, tín dụng	3694.70	1826.33	2180.03	3096.80	3900.34
Hoạt động khoa học và công nghệ	1070.95	327.94	707.94	950.97	1127.96
Các hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	3868.10	4561.08	4340.12	4491.23	4138.49
QLNN và ANQP, đảm bảo xã hội bắt buộc	3975.55	2844.20	3895.94	3040.77	4238.24
Giáo dục và đào tạo	4730.91	3590.48	5895.18	3503.02	5085.90
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	2155.28	1480.92	2132.61	1716.36	2301.43
Hoạt động văn hoá và thể thao	950.19	506.14	855.12	527.11	1004.31
Hoạt động Đảng, đoàn thể và hiệp hội	134.08	142.28	148.48	134.68	144.97
HĐ phục vụ cá nhân và cộng đồng	2407.61	2566.97	2669.39	2368.88	2598.04
HĐ làm thuê công việc GD trong các hộ tư nhân	217.52	221.82	224.11	222.42	234.25

Nguồn: Ước lượng của tác giả (2008)

Theo kết quả dự báo này thì tốc độ tăng trưởng cả năm 2008 sẽ đạt khoảng 6,6%, trong đó tăng trưởng của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt khoảng 3,6%, ngành công nghiệp và xây dựng đạt khoảng 7,37% và ngành dịch vụ đạt khoảng 7,17%. Với giả định không có những cú sốc lớn bất lợi cho nền kinh tế thì dự báo năm 2009 Việt Nam có thể đạt lại được tốc độ tăng trưởng cao ở mức gần 8%, trong đó ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng trưởng đạt mức khoảng 3,8%, ngành công nghiệp và xây dựng đạt 9,75% và ngành dịch vụ đạt 8,1%.

Bảng 3: Kết quả ước lượng tốc độ tăng trưởng trong năm 2008 và năm 2009

	2008	2009
TỔNG SỐ	6.599	7.945
Nông lâm nghiệp và thủy sản	3.617	3.825
Nông nghiệp	3.019	3.093
Lâm nghiệp	1.085	1.067
Thủy sản	7.661	9.051
Công nghiệp và xây dựng	7.374	9.753
CN khai thác mỏ	-3.436	5.084
CN chế biến	11.043	10.802
CN điện, ga và cung cấp nước	11.814	10.869
Xây dựng	1.978	9.042
Dịch vụ	7.166	8.101
Thương mại	6.349	7.977
Khách sạn và nhà hàng	8.917	9.213
Vận tải, kho bãi và thông tin liên lạc	12.560	9.443
Tài chính, tín dụng	5.749	7.838
Hoạt động khoa học và công nghệ	5.659	7.669
Các hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	3.793	6.415
QLNN và ANQP, đảm bảo xã hội bắt buộc	6.572	7.860
Giáo dục và đào tạo	7.945	8.258
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	7.541	8.042
Hoạt động văn hoá và thể thao	6.648	7.848
Hoạt động Đảng, đoàn thể và hiệp hội	7.552	8.013
HĐ phục vụ cá nhân và cộng đồng	6.801	7.827
HĐ làm thuê công việc GD trong các hộ tư nhân	7.237	7.770

Nguồn: Tính toán của tác giả

Tuy nhiên thời gian vừa qua xảy ra cuộc khủng hoảng tài chính Mỹ mà các nhà kinh tế cho rằng sẽ có những ảnh hưởng tiêu cực đến Việt Nam. Nhìn chung các tác động có thể ảnh hưởng mạnh đến Việt Nam là các tác động gián tiếp thông qua các nền kinh tế khác cũng chịu tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng này. Do đó xuất khẩu của Việt Nam sang một số thị trường có thể giảm, đồng thời vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam cũng có thể có xu hướng giảm. Theo nghiên cứu sơ bộ của Đào Nguyên Thắng (2008) thì trong bối cảnh khủng hoảng tài chính Mỹ thì có thể xuất khẩu của Việt Nam sẽ không giảm, và thậm chí còn có thể tăng do hàng hóa của

Việt Nam trong thị trường Mỹ là hàng hóa thứ cấp, và khi thu nhập của người dân Mỹ thấp đi thì họ có xu hướng tiêu dùng các hàng hóa này nhiều hơn. Nhưng nhìn chung, tổng tác động từ cuộc khủng hoảng này lên nền kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới, đặc biệt là trong năm 2009, là tác động tiêu cực. Và như vậy tốc độ tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2009 sẽ khó có thể đạt được mức cao như các con số dự báo trong bảng 3. Với những thông tin như vậy thì có thể dự báo rằng các chỉ tiêu cho năm 2009 được trình bày trong bảng 3 sẽ là mức tăng trưởng cận trên của các ngành trong điều kiện không có những cú sốc mạnh có lợi cho nền kinh tế Việt Nam.

V. Kết luận

Cơ cấu kinh tế trong 9 tháng đầu năm vẫn tiếp tục vận động theo hướng giảm dần tỷ trọng của nông nghiệp và tăng tỷ trọng của ngành công nghiệp và xây dựng. Trong 9 tháng đầu năm 2008, do thực hiện các biện pháp lạm phát và các diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới nên tốc độ tăng trưởng của các ngành theo quý so với cùng kỳ năm ngoái có xu hướng chững lại. Dựa trên khuynh hướng vận động của các ngành kinh tế, báo cáo này đã dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế chung và các ngành của Việt Nam cho năm 2008 và 2009. Nhìn chung tốc độ tăng trưởng của các ngành có khuynh hướng chững lại. Để tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng cao nhà nước tiếp tục có chiến lược tìm kiếm, phân loại các thị trường xuất khẩu cho Việt Nam đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế thế giới cũng đang có khuynh hướng suy giảm. Đồng thời cũng cần có các hình thức hỗ trợ về mặt thông tin, thị trường để giảm các chi phí giao dịch và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Nguyên Thắng (2008), Một số suy nghĩ về tác động của khủng hoảng Tài chính Mỹ đến lao động và việc làm của Việt Nam,
- [2] Đào Nguyên Thắng (2008), Cấu trúc kinh tế Việt Nam giai đoạn 1990 đến nay: Một số phân tích và nhận định ban đầu.
- [3] Đào Nguyên Thắng (2004), Một số phương pháp ước lượng dự báo dựa vào dãy số thời gian, Chương 3: Luận văn Tốt nghiệp Đại học về: Kiểm toán ước lượng hàng tồn kho trong các doanh nghiệp khai thác và sản xuất than.
- [4] Tổng cục Thống kê (2008), Báo cáo Kinh tế Xã hội 9 tháng đầu năm 2008, www.gso.gov.vn
- [5] Tổng cục Thống kê (2008), Báo cáo Kinh tế Xã hội 6 tháng đầu năm 2008, www.gso.gov.vn
- [6] Tổng cục Thống kê (2008), Báo cáo Kinh tế Xã hội 3 tháng đầu năm 2008, www.gso.gov.vn



TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ VÀ CHÍNH SÁCH

LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (CEPR)

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà nội

Địa chỉ:

Phòng 704, Nhà E4,
144 Đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy
Hà nội, Việt nam

Tel: (84) 4 754 7506 –704

Fax: (84) 4 704 1714

Email: Info@cepr.org.vn

Website: www.cepr.org.vn